TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v: Không công nhận vợ chồng giữa anh Tuân và chị Vân.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nguyệt, ông Chu Hồng Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "Không công nhận là vợ chồng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX- ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Chợ M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/02/2024 và trong các lời khai anh Nguyễn Văn T *là nguyên đơn trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng V có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ai ép buộc về chung sống với nhau ở nước ngoài từ năm 2019 hiện nay anh chị đã về Việt Nam sinh sống, từ đó đến nay không đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc sau khi sinh con xong anh chị gửi con về nhà ông bà nội nuôi hộ. Cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng quan điểm cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ ngày

01/01/2024 cho đến nay không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị V là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung Nguyễn Bảo M, sinh ngày 08/8/2020 hiện nay đang ở cùng anh và ông bà nội. Anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị V góp cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện nay làm quản lý cho công ty lương tháng 18 triệu và có tiền trong tài khoản ngân hàng 1.300.000.000đ đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Chị với anh T chung sống với nhau từ năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay không còn tình cảm và chị đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh T đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Bảo M, sinh ngày 08/8/2020 hiện nay đang ở cùng anh T và ông bà nội. Chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian lao động ở nước ngoài chị tích cóp được 800.000.000đ. Hiện nay chị chưa có công việc nhưng đủ điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh T chị V chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật chị V anh T khẳng định là không đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn và không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng V là vợ chồng.

Về con chung*:* Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi con Nguyễn Bảo M, sinh ngày 08/8/2020 cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi có quyết định của Tòa án chị V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

1. *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Chị V là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. *Về nội dung*: Anh T và chị V về chung sống với nhau năm 2019 anh chị không đến UBND xã đăng ký kết hôn nhưng anh chị về chung sống với nhau hiện có 01 con chung, các đương sự đều cam kết thừa nhận chỉ sống chung và không đến UBND xã nào để ĐKKH. Các đương sự không cung cấp được giấy ĐKKH. Căn cứ vào các lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX xử không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng V là vợ chồng.

Vì vậy xác định mâu thuẫn giữa anh T chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài anh T chị V đã sống ly thân từ tháng 01/2024 không còn quan hệ tình cảm và kinh tế, chị V cũng không ở cùng anh T và con chung nên chấp nhận yêu không công nhận vợ chồng của anh T, chị V cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh T và đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng theo quy định tại Điều 14,15,53 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về con chung:* Vợ chồng anh T chị V có 01 con chung Nguyễn Bảo M, sinh ngày 08/8/2020 anh T đề nghị được nuôi con vì con đang ở với anh, chị V cũng đề nghị được nuôi con nhưng xét về điều kiện kinh tế và không xáo trộn về tâm lý của con HĐXX xét thấy cháu M ở với ông bà nội chăm sóc từ nhỏ, cháu đang đi học Mầm non cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Về điều kiện kinh

tế anh T có công việc ổn định thu nhập cao hơn chị V. Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của anh T là chính đáng nên cần giao cho anh T nuôi cháu Nguyễn Bảo M. Cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu nên HĐXX không đưa ra xem xét giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi có quyết định của Tòa án chị V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung công nợ nên không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 25, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng V là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi con Nguyễn Bảo M, sinh ngày 04/11/2013 cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi có quyết định của Tòa án chị V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 19/02/2024 theo biên lai thu số 0008081.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

N¬i nhËn:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Tam Dị;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG xĐt xö s¬ thÈm
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự